



## PHIẾU KHẢO SÁT MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA KHOA KINH TẾ - QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

(Dành cho **Đơn vị sử dụng lao động**)

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp (KT-QLCN), Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ rất mong quý đơn vị hỗ trợ đóng góp ý kiến cho Khoa. Xin cam đoan mọi thông tin trong phiếu khảo sát chỉ dùng cho mục đích cải tiến để nâng cao chất lượng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của các ngành do Khoa đào tạo.

**Ngành:**  KTHTCN  QLCN  LOGISTICS  QTKD  TCNH  KETOAN

### A. THÔNG TIN CHUNG

Họ tên đáp viên: ..... Chức vụ: .....

Tên đơn vị: .....

Địa chỉ đơn vị: .....

Số điện thoại liên hệ: ..... Fax: ..... Email: .....

Số lượng lao động tại đơn vị: ..... người Năm thành lập đơn vị: .....

### B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

**Trong mỗi câu hỏi, quý đơn vị vui lòng đánh dấu (✓) vào ô lựa chọn**

1. Loại hình hoạt động của quý đơn vị là gì?

- |   |   |  |
|---|---|--|
| <input type="checkbox"/> Tổ chức/DN Nhà nước                | <input type="checkbox"/> DN 100% vốn nước ngoài | <input type="checkbox"/> Hộ KD cá thể    |
| <input type="checkbox"/> Doanh nghiệp liên doanh nước ngoài | <input type="checkbox"/> Doanh nghiệp tư nhân   | <input type="checkbox"/> Công ty cổ phần |
| <input type="checkbox"/> Công ty trách nhiệm hữu hạn        | <input type="checkbox"/> Công ty hợp doanh      | <input type="checkbox"/> Khác: .....     |

2. Lĩnh vực hoạt động của quý đơn vị (có thể chọn nhiều phương án):

- |   |  |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Công nghiệp, đầu tư, xây dựng        | <input type="checkbox"/> Thương mại, du lịch |
| <input type="checkbox"/> Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản    | <input type="checkbox"/> Giáo dục            |
| <input type="checkbox"/> Vận tải, bưu chính, viễn thông, CNTT | <input type="checkbox"/> Y tế                |
| <input type="checkbox"/> Lĩnh vực khác (ghi rõ): .....        |  |

3. Hình thức thông tin tuyển dụng mà quý đơn vị đang áp dụng? (có thể chọn nhiều phương án)

- Thông báo tuyển dụng trên website của đơn vị
- Thông báo tuyển dụng trên các website chuyên thông tin việc làm
- Thông báo tuyển dụng trên báo, tạp chí giấy
- Thông báo tuyển dụng trên truyền hình, báo điện tử
- Thông báo tuyển dụng trên fanpage, mạng xã hội
- Thông báo tuyển dụng gửi đến các Trường đại học
- Khác (nêu rõ: .....) )

4. Quý đơn vị có **sử dụng lao động** là người học (NH) do Khoa KT-QLCN đào tạo không?

- Không → trả lời tiếp từ Câu 10 đến hết
- Có → trả lời tiếp từ Câu 05 đến hết

5. Hình thức sử dụng NH do Khoa đào tạo của quý đơn vị (có thể chọn nhiều phương án):

- Nhận NH thực tập → Số lượng thực tập: ..... NH; Trong đó, Nam: ....NH; Nữ: ....NH.
- Tuyển dụng NH → Số lượng tuyển dụng: .... NH; Trong đó, Nam: ....NH; Nữ: ....NH.



6. Vị trí công việc của NH do Khoa đào tạo đã thực tập/làm việc tại quý đơn vị (có thể chọn nhiều phương án):

- |  |   |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Công nhân   | <input type="checkbox"/> Nhân viên bảo vệ                     |
| <input type="checkbox"/> Nhân viên văn phòng                               | <input type="checkbox"/> Nhân viên kỹ thuật                   |
| <input type="checkbox"/> Quản lý cấp cơ sở (trưởng/phó xưởng, chuyên, ...) | <input type="checkbox"/> Quản lý cấp trung (trưởng/phó Phòng) |
| <input type="checkbox"/> Quản lý cấp cao (lãnh đạo)                        | <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ): .....                 |

7. Vui lòng đánh giá năng lực NH do Khoa KT-QLCN đào tạo so với yêu cầu sử dụng lao động của quý đơn vị? (đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
<b>1-Yếu; 2-Trung bình; 3-Khá; 4-Tốt; 5-Xuất sắc</b>						
7.1	Kiến thức chuyên ngành	①	②	③	④	⑤
7.2	Khả năng vận dụng ngoại ngữ trong công việc	①	②	③	④	⑤
7.3	Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc	①	②	③	④	⑤
7.4	Kỹ năng giải quyết vấn đề trong công việc	①	②	③	④	⑤
7.5	Kỹ năng lập kế hoạch	①	②	③	④	⑤
7.6	Kỹ năng giao tiếp	①	②	③	④	⑤
7.7	Kỹ năng làm việc, nghiên cứu độc lập	①	②	③	④	⑤
7.8	Kỹ năng làm việc, hợp tác nhóm	①	②	③	④	⑤
7.9	Kỹ năng quản lý/lãnh đạo nhóm	①	②	③	④	⑤
7.10	Kỹ năng thuyết trình, báo cáo	①	②	③	④	⑤
7.11	Tính kỷ luật trong tuân thủ các nội quy	①	②	③	④	⑤
7.12	Tinh thần trách nhiệm	①	②	③	④	⑤
7.13	Tinh thần ham học hỏi và cầu tiến	①	②	③	④	⑤
7.14	Đánh giá chung về năng lực của cựu NH làm việc tại đơn vị	①	②	③	④	⑤

8. Vui lòng đánh giá khả năng đáp ứng công việc của NH do Khoa KT-QLCN đào tạo ngay sau khi được nhận thực tập hoặc được tuyển dụng vào đơn vị?

- Đáp ứng ngay yêu cầu công việc  
 Đáp ứng ở mức cơ bản và cần đào tạo bổ sung  
 Đào tạo lại → Cho biết cần bao nhiêu thời gian để thực hiện đào tạo lại.....tháng.

9. Theo quý đơn vị, nếu đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung thì cần tập trung đào tạo những nội dung gì? (có thể chọn nhiều phương án)

- |   |  |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên môn | <input type="checkbox"/> Kỹ năng nghiệp vụ   |
| <input type="checkbox"/> Kỹ năng mềm          | <input type="checkbox"/> Tác phong, thái độ  |
| <input type="checkbox"/> Ngoại ngữ            | <input type="checkbox"/> Công nghệ thông tin |
| <input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ:.....)  |  |

10. Quý đơn vị có dự kiến nhận thực tập hay tuyển dụng NH do Khoa KT-QLCN đào tạo trong thời gian tới không?

- Không → Trả lời tiếp từ Câu 13 đến hết       Có → Trả lời tiếp từ Câu 11 đến hết

11. Quý đơn vị dự kiến sử dụng NH của Khoa theo hình thức nào (có thể chọn nhiều phương án):

- |  |                                    |
|--|------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Dự kiến nhận thực tập ngành nghề/tốt nghiệp | → Số lượng nhận thực tập: ..... NH |
| <input type="checkbox"/> Dự kiến tuyển dụng làm việc                 | → Số lượng tuyển dụng: ..... NH    |



12. Quý đơn vị dự kiến nhận thực tập hay tuyển dụng ngành nào do Khoa đào tạo (có thể chọn nhiều phương án):

- |  |  |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Kỹ thuật hệ thống công nghiệp       | <input type="checkbox"/> Quản lý công nghiệp |
| <input type="checkbox"/> Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | <input type="checkbox"/> Quản trị kinh doanh |
| <input type="checkbox"/> Tài chính - Ngân hàng               | <input type="checkbox"/> Kế toán             |

13. Theo quý đơn vị, NH tốt nghiệp các ngành do Khoa đào tạo có thể ứng tuyển vào những vị trí thực tập hay vị trí công tác nào cụ thể? .....

14. Đánh giá về tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐH KTCN Cần Thơ và Khoa KT-QLCN

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
<b>1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5- Rất đồng ý</b>						
14.1	Tầm nhìn của Trường ĐH KTCN CT (ở Phụ lục tr. a) là phù hợp và đáp ứng tốt nhu cầu của các bên liên quan.	①	②	③	④	⑤
14.2	Sứ mạng của Trường ĐH KTCN CT(ở Phụ lục tr. a) thể hiện được triết lý hoạt động và giá trị tổ chức với các bên liên quan.	①	②	③	④	⑤
14.3	Tầm nhìn của Khoa KT-QLCN (ở Phụ lục tr. a) là phù hợp, thể hiện được mục tiêu phát triển Khoa.	①	②	③	④	⑤
14.4	Sứ mạng của Khoa KT-QLCN (ở Phụ lục tr. a) thể hiện được triết lý hoạt động và giá trị cống hiến của Khoa.	①	②	③	④	⑤

15. Quý đơn vị vui lòng đánh giá về MỤC TIÊU ĐÀO TẠO của ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (KTHTCN) do Khoa KT-QLCN đào tạo qua các tiêu chí sau (đánh ✓ vào ô chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
<b>1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý</b>						
15.1	NH tốt nghiệp có các Kiến thức (ở Phụ lục tr. a) đáp ứng theo mục tiêu đào tạo ngành.	①	②	③	④	⑤
15.2	NH tốt nghiệp có các Kỹ năng (ở Phụ lục tr. a) đáp ứng theo mục tiêu đào tạo ngành.	①	②	③	④	⑤
15.3	NH tốt nghiệp đạt Mức tự chủ và trách nhiệm (ở Phụ lục tr. a) đáp ứng theo mục tiêu đào tạo ngành.	①	②	③	④	⑤

16. Quý đơn vị vui lòng đánh giá về CHUẨN ĐẦU RA của ngành KTHTCN do Khoa KT-QLCN đào tạo qua các tiêu chí sau (đánh ✓ vào ô chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
<b>1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý</b>						
16.1	NH tốt nghiệp có các Kiến thức (ở Phụ lục tr. b) đáp ứng theo chuẩn đầu ra ngành.	①	②	③	④	⑤
16.2	NH tốt nghiệp có các Kỹ năng (ở Phụ lục tr. b) đáp ứng theo chuẩn đầu ra ngành.	①	②	③	④	⑤
16.3	NH tốt nghiệp đạt Mức tự chủ và trách nhiệm (ở Phụ lục tr. b) đáp ứng theo chuẩn đầu ra ngành.	①	②	③	④	⑤



17. Quý đơn vị vui lòng đánh giá về **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** của ngành **KTHTCN** (trình bày ở Phụ lục tr. b) do Khoa KT-QLCN đào tạo qua các tiêu chí sau (đánh  vào ô chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
<b>1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý</b>						
17.1	Mục tiêu đào tạo của ngành học rõ ràng và phù hợp	①	②	③	④	⑤
17.2	Chuẩn đầu ra của ngành học phù hợp	①	②	③	④	⑤
17.3	CTĐT của ngành có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, giữa lý thuyết và thực hành	①	②	③	④	⑤
17.4	CTĐT của ngành đáp ứng nhu cầu thực tiễn	①	②	③	④	⑤
17.5	Thời lượng các học phần trong CTĐT là phù hợp	①	②	③	④	⑤
17.6	Nhìn chung, quý đơn vị hài lòng về CTĐT của ngành khảo sát	①	②	③	④	⑤

18. Học phần nào **không cần thiết** trong CTĐT của ngành **KTHTCN**?.....

19. Học phần nào **cần bổ sung** vào CTĐT của ngành **KTHTCN**? .....

20. Những **thiết bị, phần mềm** nào giúp hỗ trợ đào tạo ngành **KTHTCN**? .....

21. Những thiết bị, phần mềm nào thiết yếu để hỗ trợ giảng dạy/học tập tại Khoa KT-QLCN tốt hơn?..

22. Quý đơn vị vui lòng đánh giá chung về chất lượng đào tạo của Khoa KT-QLCN qua các tiêu chí sau (đánh dấu  vào ô lựa chọn)

TT	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
<b>1-Rất không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Rất đồng ý</b>						
22.1	MTĐT của Khoa rõ ràng và phù hợp với thực tiễn xã hội	①	②	③	④	⑤
22.2	CTĐT các ngành học của Khoa đáp ứng tốt đặc thù ngành và đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội	①	②	③	④	⑤
22.3	Số lượng và chất lượng đội ngũ GV của Khoa đảm bảo yêu cầu giáo dục đại học	①	②	③	④	⑤
22.4	Cơ sở vật chất đáp ứng tốt cho giảng dạy và học tập	①	②	③	④	⑤
22.5	Định kỳ có thực hiện cập nhật, cải tiến CTĐT qua tham vấn ý kiến các bên liên quan	①	②	③	④	⑤
22.6	Bên cạnh chuyên môn, Khoa có chú trọng rèn luyện kỹ năng mềm, thái độ và tác phong kỷ luật cho NH	①	②	③	④	⑤
22.7	Chủ động liên kết doanh nghiệp trong quá trình đào tạo và giới thiệu ứng viên tuyển dụng	①	②	③	④	⑤
22.8	Chủ động hợp tác với doanh nghiệp trong ứng dụng và chuyển giao các sản phẩm NCKH của Khoa	①	②	③	④	⑤

23. Những ý kiến đóng góp khác của quý đơn vị dành cho Khoa KT-QLCN? .....

(Đính kèm Phụ lục các thông tin của Trường và Khoa)

**Xin chân thành cảm ơn Quý đơn vị đã hỗ trợ hoàn thành phiếu khảo sát này!**



## PHỤ LỤC

### (i) Thông tin của Câu 14

**Tầm nhìn của Trường ĐH KTCN CT:** “Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

**Sứ mạng của Trường ĐH KTCN CT:** “Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của TP Cần Thơ, vùng ĐBSCL và cả nước”.

**Tầm nhìn của Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp:** “Đến năm 2030, phần đầu xây dựng Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp trở thành Khoa phát triển bền vững, hướng đến một trong những đơn vị chủ lực, chuyên nghiệp trong mạng lưới các cơ sở đào tạo đại học ở ĐBSCL, về việc cung cấp năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học theo định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực kinh doanh, quản lý kinh tế và kỹ thuật có chất lượng, uy tín. Là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng rộng rãi các công cụ, các phương pháp mới về phân tích dữ liệu lớn, nghiên cứu và chuyển giao các mô hình kinh doanh, quản lý kinh tế và kỹ thuật gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Là một trong những Khoa chủ lực của trường ĐH KTCN CT, triển khai các chương trình đào tạo theo chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có uy tín trong cả nước, người học có năng lực tự khởi nghiệp sáng tạo và làm việc hiệu quả trong môi trường cả nước và quốc tế”.

**Sứ mạng của Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp:** “Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý kinh tế và kỹ thuật có chất lượng, uy tín đáp ứng nhu cầu phát triển chung của trường, của thành phố Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước”.

### (ii) Thông tin của Câu 15

#### MỤC TIÊU ĐÀO TẠO của ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (KTHTCN)

##### \* Kiến thức:

**PO1.** Vận dụng cơ bản các kiến thức về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành KTHTCN.

**PO2.** Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ, tin học đáp ứng nhu cầu phát triển và số hóa các hoạt động sản xuất và dịch vụ trong bối cảnh toàn cầu.

**PO3.** Có khả năng lập kế hoạch, vận hành hệ thống sản xuất thông qua việc quản lý và kiểm soát nguồn tài nguyên đầu vào.

**PO4.** Có khả năng phân tích và thẩm định và thiết kế và cải tiến các hệ thống công nghiệp.

##### \* Kỹ năng:

**PO5.** Quản lý điều hành hệ thống và trợ giúp ra quyết định trong quản lý sản xuất.

**PO6.** Vận dụng tốt chuyên môn để phân tích được các vấn đề và truyền đạt giải pháp có liên quan đến người khác trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp, đa dạng trong chuyên môn.

**PO7.** Thiết kế và cải tiến hệ thống sản xuất và dịch vụ đảm bảo hỗ trợ quản lý và nâng cao không ngừng chất lượng toàn diện của toàn hệ thống sản xuất từ khâu đầu vào đến khâu đầu ra của sản phẩm và dịch vụ

**PO8.** Hỗ trợ doanh nghiệp về quản lý kinh tế, điều hành doanh nghiệp, kích cầu sản phẩm.

##### \* Mức tự chủ và trách nhiệm:

**PO9.** Nhận thức về trách nhiệm và nghĩa vụ của kỹ sư hệ thống công nghiệp thực hiện công tác chuyên môn theo quy định pháp luật; ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề.

**PO10.** Ý thức tự học tập, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp suốt đời; có đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp; có kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp.

### (iii) Thông tin của Câu 16

#### CHUẨN ĐẦU RA của ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (KTHTCN)

##### \* Kiến thức:

**K1.** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành KTHTCN.

**K2.** Vận dụng được các kiến thức toán, khoa học cơ bản vào các vấn đề thuộc ngành KTHTCN.

**K3.** Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc hằng ngày trong cuộc sống và nghiệp vụ lĩnh vực KTHTCN.

**K4.** Giải thích và phân tích thuần thục các thành phần, các giai đoạn trong hệ thống sản xuất và dịch vụ, các mối quan hệ nguồn tài nguyên (nhân lực, tài chính, máy móc v.v...)

##### \* Kỹ năng:

**S1.** Đạt được trình độ tiếng Anh: TOEIC 450 hoặc khung trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Đạt được trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

**S2.** Phân tích được các vấn đề và truyền đạt giải pháp có liên quan đến người khác trong quá trình thực hiện những



nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp, đa dạng trong chuyên môn.

**S3.** Vận hành tốt các hoạt động trong hệ thống sản xuất, đánh giá được chất lượng của công việc, đề xuất được hướng cải tiến hệ thống sản xuất trong tương lai.

**S4.** Thiết kế mới, tái thiết kế hiệu quả, mô hình hóa hệ thống sản xuất dịch vụ nhằm giảm chi phí, tăng năng suất và hiệu quả và kích cầu sản phẩm dịch vụ. Đảm bảo hỗ trợ quản lý và nâng cao không ngừng chất lượng toàn diện của toàn hệ thống sản xuất từ khâu đầu vào đến khâu đầu ra của sản phẩm và dịch vụ.

**S5.** Vận dụng hiệu quả kiến thức phụ trợ (quản lý kinh tế, điều hành doanh nghiệp, quy trình sản xuất) giúp ra quyết định và kích cầu sản phẩm trong toàn hệ thống chuỗi cung ứng hướng đến hoàn thiện hệ thống sản xuất và dịch vụ.

**\* Mức tự chủ và trách nhiệm:**

**C1.** Phối hợp làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

**C2.** Tổ chức được quy trình hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực KTHTCN.

**C3.** Tham gia lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, quản lý thời gian trong các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực KTHTCN.

**C4.** Tự chủ, tự tin thể hiện ý kiến cá nhân và quan điểm bản thân, không ngừng học hỏi, rèn luyện sức khỏe, đạo đức trong thực hiện công tác chuyên môn.

**(iv) Thông tin của Câu 17**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO của ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (KTHTCN)**

**\* Thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo tiếng Việt: Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
- Tên ngành đào tạo tiếng Anh: Industrial and Systems Engineering
- Mã số ngành đào tạo: 7520118
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Đơn vị quản lý: Khoa KT-QLCN
- Trình độ đào tạo: Kỹ sư
- Hình thức đào tạo: Tập trung
- Thời gian đào tạo: 4,5 năm

**\* Cấu trúc chương trình dạy học**

- Tổng số tín chỉ: 150 TC (không bao gồm học phần Giáo dục quốc phòng và An Ninh, học phần Giáo dục thể chất), trong đó: tổng số tín chỉ bắt buộc: 132 và tổng số tín chỉ tự chọn: 18.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần: học trước (a), song hành (b)
<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>36</b>	<b>34</b>	<b>2</b>			
1	CB040	Triết học Mác - Lênin	1	3	3		45	0	
2	CB004	Pháp luật đại cương	1	2	2		30	0	
3	CB023	Anh văn căn bản 1	1	4	4		60	0	
4	CB003	Đại số tuyến tính	1	2	2		30	0	
5	CB033	Giải tích 1	1	3	3		45	0	
6	CB007	Vật lý 1	2	2	2		30	0	
7	CB024	Anh văn căn bản 2	2	3	3		45	0	CB023 (a)
8	CB041	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	2		30	0	CB040 (a)
9	CB010	Hóa học 2	2	2	2		30	0	
10	CB006	Xác suất và thống kê	2	2	2		30	0	CB033 (a)
11	CB050	GDQP&AN 1 - Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam*	2	2	2		37	8	
12	CB051	GDQP&AN 2 - Công tác Quốc phòng và an ninh*	2	2	2		22	8	
13	CB052	GDQP&AN 3 - Quân sự chung*	2	2	2		14	16	
14	CB053	GDQP&AN 4 - Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	2	2	2		4	56	
15	CB035	Giáo dục thể chất 1 (*)	2	1	1		0	30	



TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần: học trước (a), song hành (b)
16	CB036	Giáo dục thể chất 2 (*)	2	1	1		0	30	
17	CB037	Giáo dục thể chất 3 (*)	2	1	1		0	30	
18	TT092	Tin học căn bản	3	2		2	15	30	
19	CB005	Văn bản và lưu trữ đại cương	3	2			30	0	
20	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	2		30	0	CB041 (a);
21	CB025	Anh văn căn bản 3	3	3	3		45	0	CB024 (a)
22	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2		30	0	CB041 (a); CB042 (a)
23	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	5	2	2		45	0	CB043 (a)
<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>					<b>38</b>	<b>34</b>	<b>4</b>		
24	QL009	Quản trị học đại cương	1	2	2		30	0	
25	QL173	Nhập môn ngành KTHTCN	2	2	2		30	0	
26	QL002	Quản lý sản xuất	2	3	3		45	0	
27	CK003	Vẽ kỹ thuật	3	3	3		30	30	
28	CK002	Kỹ thuật cơ khí đại cương	3	2	2		30	0	
29	QL011	Kinh tế học đại cương	3	3	3		45	0	
30	QL174	Vận trù học và thực tập	4	3	3		30	30	
31	TT080	Lập trình căn bản	4	2	2		15	30	
32	QL030	Marketing căn bản	4	2		4	30	0	
33	QL035	Kế toán đại cương	4	2			30	0	
34	TP056	Công nghệ chế biến lương thực, thực phẩm đại cương	4	2			25	10	
35	QL143	Phương pháp nghiên cứu khoa học cho khối ngành quản lý	4	2	2		30	0	
36	DI601	Kỹ thuật điện đại cương	5	2	2		30	0	
37	QL015	Đo lường và thiết kế công việc	5	2	2		30	0	
38	QL007	Quá trình và thiết bị công nghiệp	6	2	2		30	0	
39	QL027	Kỹ thuật hệ thống	6	2	2		30	0	
40	QL006	Kinh tế Kỹ thuật	7	2	2		30	0	
41	QL024	Quy hoạch công nghiệp	7	2	2		30	0	
<b>Kiến thức chuyên ngành</b>					<b>76</b>	<b>64</b>	<b>12</b>		
42	QL013	Quản lý bảo trì công nghiệp	3	2	2		30	0	
43	QL159	Thực tập thực tế đồ án quản lý bảo trì công nghiệp	4	2	2		0	90	QL013 (a)
44	QL022	Quản lý dự án công nghiệp	4	2	2		30	0	
45	QL014	Quản lý chuỗi cung ứng-hậu cần	5	3	3		45	0	
46	QL020	Quản lý vật tư - tồn kho	5	2	2		30	0	
47	QL026	Thiết kế vị trí và mặt bằng hệ thống công nghiệp	5	2	2		30	0	
48	QL160	Thực tập thực tế đồ án quản lý dự án công nghiệp	5	2	2		0	90	QL022 (a)
49	QL033	Tài chính doanh nghiệp	5	2	2		30	0	



TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần: học trước (a), song hành (b)
50	QL060	An toàn và bảo hộ lao động	5	2	2		30	0	
51	QL012	Nghiên cứu và phát triển SP	6	2	2		30	0	
52	QL018	Kỹ thuật ra quyết định	6	2	2		30	0	
53	QL023	Mô hình hóa & mô phỏng các hệ thống công nghiệp	6	2	2		30	0	
54	QL161	Thực tập thực tế đồ án thiết kế vị trí và mặt bằng hệ thống CN	6	2	2		0	90	QL026 (a)
55	QL032	Hệ thống thông tin quản lý	6	2	2		30	0	
56	QL034	Quản lý sản xuất theo Lean & JIT	6	2	2		30	0	
57	QL146	Thực tập ngành nghề - KTHTCN	6	2	2		0	90	
58	QL019	Kỹ thuật điều độ trong sản xuất và dịch vụ	7	2	2		30	0	
59	QL170	Quản lý chất lượng hệ thống	7	3	3		45	0	
60	QL017	Quản trị nhân sự	7	2	2		30	0	
61	QL162	Thực tập thực tế đồ án mô hình hóa & mô phỏng các hệ thống công nghiệp	7	2	2		0	90	QL023 (a)
62	QL016	Quản lý công nghệ	7	2	2		30	0	
63	QL108	Anh văn chuyên ngành CN	7	2	2		30	0	
64	QL031	Kỹ thuật dự báo trong CN	7	2	2		30	0	
65	QL069	Công nghệ sản xuất sạch hơn	8	2	2		30	0	
66	QL073	Lean - 6 Sigma	8	2	2		30	0	
67	DI602	Tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống công nghiệp	8	2	2		30	0	
68	CB049	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	8	2		2	30	0	
69	CB012	Kỹ năng giao tiếp	8	2			30	0	
70	QL062	Lập và thẩm định dự án đầu tư	8	2	2		30	0	
71	QL072	Tinh gọn chuỗi cung ứng	8	2	2		30	0	
72	QL074	Quản trị doanh nghiệp	8	2	2		30	0	
73	QL068	Kỹ năng giải quyết vấn đề	8	2	2		30	0	
74	QL064	Quản trị rủi ro	8	2	2		30	0	
75	QL171	Ứng dụng thương mại điện tử	9	2		10	30	0	
76	QL149	Hoạch định nguồn lực ERP	9	2			30	0	
77	QL150	Tin học ứng dụng ngành KTHTCN	9	2			15	30	
78	QL086	Quản lý dự trữ và kho hàng	9	2			30	0	
79	QL169	Tự động hóa quá trình sản xuất	9	2			30	0	
80	QL151	Thống kê trong công nghiệp	9	2			30	0	
81	QL089	Quản lý mua hàng	9	2			30	0	
82	QL147	Thực tập tốt nghiệp ngành KTHTCN	9	10			0	450	
83	QL148	Khóa luận tốt nghiệp - KTHTCN	9	10			0	450	
<b>TỔNG</b>				<b>150</b>	<b>132</b>		<b>18</b>		

Học phần có dấu (\*) là những học phần điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.